

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 136/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG- TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bế Lan Phương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Vụ

2. Ông Đỗ Đức Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Trung - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018. Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 82/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2018/HNGĐ ST-QĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hoàng Thị Thanh G - sinh năm 1989; dân tộc: tày;

Địa chỉ: xóm LN, xã VQ, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Đoàn Ngọc B - sinh năm 1989; dân tộc: tày;

Địa chỉ: xóm B, NP, xã HĐ, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 07/5/2018, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Hoàng Thị Thanh G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị Thanh G và anh Đoàn Ngọc B kết hôn vào ngày 21/9/2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, ngày 06/3/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã HĐ, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Khi cưới, chị G đang làm công nhân còn anh B đang đi học tại TN.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh B không quan tâm đến gia đình,

nhiều lần mắng chửi, xúc phạm chị G. Ngoài ra, chị G nghi ngờ anh B mắc tệ nạn xã hội dẫn đến việc vợ chồng nhiều lần cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng chưa xảy ra xô xát. Vợ chồng tuy vẫn cùng chung sống nhưng đã không còn sinh hoạt chung với nhau từ cuối năm 2017 cho đến nay. Gia đình hai bên và tự bản thân chị G hòa giải nhiều lần và đều không đạt kết quả. Tháng 4 năm 2018 chị đã quay về bên nhà ngoại sinh sống và không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu tòa giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên là Đoàn Thanh T (giới tính: nữ) - sinh ngày 11/8/2015. Sau khi ly hôn, chị G nhất trí theo yêu cầu của anh B sẽ là được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, và chị G có trách nhiệm đóng góp trợ cấp nuôi con chung mỗi tháng là 700.000 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: trong quá trình chung sống có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận về việc phân chia tài sản, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung, nợ riêng: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai của anh Đoàn Ngọc B và trong quá trình giải quyết vụ án, anh B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh B nhất trí với ý kiến của chị G về điều kiện và thời gian kết hôn. Tuy nhiên, về yêu cầu ly hôn của chị G đưa ra, anh không nhất trí, và cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu chỉ do bất đồng quan điểm nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong đời sống hôn nhân, không có việc anh B không quan tâm chăm sóc gia đình, chị G nghi ngờ anh mắc tệ nạn xã hội là không đúng. Anh B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và anh giữ nguyên yêu cầu quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

- Về con chung: có 01 con chung tên là Đoàn Thanh T (giới tính: nữ) - sinh ngày 11/8/2015. Anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; yêu cầu chị G có trách nhiệm đóng góp trợ cấp nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: quá trình chung sống có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận về việc phân chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung, nợ riêng: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú của chị G và anh B sinh sống cho thấy: tổ dân phố nơi chị G và anh B không nắm được vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn gì, chỉ biết chị G đã bỏ nhà đi khỏi địa phương khoảng một hai tháng nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng phát biểu: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau: qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh B đã trầm trọng, anh B không quan tâm chăm

sóc gia đình, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người chồng, người cha, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G, cho chị G được ly hôn với anh B.

Về con chung: hai bên đã thỏa thuận được với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận giao con chung là cháu Đoàn Thanh T – sinh ngày 11/8/2015 (giới tính: nữ) cho anh Đoàn Ngọc B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Chị G có trách nhiệm đóng góp trợ cấp nuôi con chung mỗi tháng là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị G và anh B cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trên đây là quan điểm của Viện kiểm sát đối với vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và ban hành bản án đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về tố tụng: chị Hoàng Thị Thanh G (địa chỉ: xóm LN, xã VQ, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) viết đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với anh Đoàn Ngọc B (địa chỉ: xóm LN, xã VQ, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Về hôn nhân: chị Hoàng Thị Thanh G và anh Đoàn Ngọc B kết hôn vào ngày 21/9/2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, 06/3/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã HĐ, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Thanh G và anh Đoàn Ngọc B là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

3. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: vợ chồng chị G và anh B phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2015, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình dẫn đến việc vợ chồng có xảy ra việc cãi cọ, xúc phạm nhau nhưng không có xảy ra xô sát đánh đập, tình cảm vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, mỗi người tự sống theo ý riêng của mình. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả, tháng 4/2018 vợ chồng anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Tại tòa chị G xác định tình cảm vợ chồng thực sự không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn.

Còn anh B cho rằng vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng và yêu cầu được đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Thực tế, sau khi vụ án thụ lý và quá trình

tham gia hòa giải, Tòa án đã khuyên các bên suy nghĩ quyết định của mình, thông cảm và tha thứ cho nhau, quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung, nhưng đến thời điểm hiện tại anh B cũng không có biện pháp nào để khắc phục tình cảm vợ chồng và cũng không chứng minh cho chị G thấy được sự tin tưởng về việc đề nghị xin được đoàn tụ của anh B.

Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Như vậy, đối chiếu với quy định của Điều luật này, chị G và anh B đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng tuy vẫn cùng chung sống nhưng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt trong cuộc sống gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy: quan hệ giữa chị G và anh B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã được hòa giải nhiều lần nhưng đều không đạt kết quả và thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Do đó, cần chấp nhận theo yêu cầu của chị G và quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

4. Về con chung: hai bên đương sự xác nhận có 01 con chung tên là Đoàn Thanh T - sinh ngày 11/8/2015 (giới tính: nữ).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự thống nhất: anh B sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy, chị G và anh B đã thỏa thuận được với nhau về phần nuôi con chung, sự thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật và cần được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: tại tòa chị G xác nhận hiện tuy có việc làm nhưng thu nhập 2.000.000 đ (hai triệu đồng)/tháng nên khả năng chỉ có thể đóng góp nuôi con chung với mức 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Xét thấy về điều kiện và mức thu nhập của chị G và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như vậy là phù hợp nên cần được chấp nhận.

5. Về tài sản chung và các khoản nợ chung, nợ riêng: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí: chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho việc khởi kiện ly hôn và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Thanh G.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị Thanh G được ly hôn anh Đoàn Ngọc B.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên là Đoàn Thanh T - sinh ngày 11/8/2015 (giới tính: nữ) cho anh B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị G có trách nhiệm đóng góp trợ cấp nuôi con chung theo định kỳ là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng)/tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết trong vụ án này. Các bên đương sự có quyền khởi kiện trong vụ án về hôn nhân gia đình khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí: chị Hoàng Thị Thanh G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng để sung công quỹ nhà nước. Tổng số tiền án phí mà chị G phải chịu là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị G đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, theo số biên lai AA/2016/0000360 ngày 15/5/2018. Chị G còn phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bế Lan Phương

